

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 01 - 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hà và ông Nguyễn Chí Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nhữ Thị H - sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT: K 1, thị trấn BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức L - sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT: K 1, thị trấn BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị H, anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2017, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nhữ Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Đức L kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình ngày 14/7/2011 và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn,

vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, đặc biệt từ khi sức khỏe chị không ổn định vào khoảng tháng 12/2016 nên đã phải đi khám và điều trị nhiều nơi nhưng không khả quan. Thời gian này vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, anh L không thông cảm chia sẻ với vợ. Mâu thuẫn giữa chị và anh L đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay và không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Trần TH V - sinh ngày 13/02/2012, hiện cháu đang ở với gia đình anh L ở thị trấn BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình từ ngày 29/7/2017, chị đã nhiều lần đến thăm nom và đón cháu về nhưng gia đình anh L ngăn cản. Hiện nay chị mắc bệnh phụ nữ và khả năng tiếp tục sinh con là rất khó. Nay chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu TH V đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh L đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 20/11/2017, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản hòa giải tại Tòa án và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Trần Đức L trình bày:

Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, một phần nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng anh nhất trí với phần trình bày của chị H. Anh xác định về cơ bản vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh tại thị trấn BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình đến năm 2014 thì lên xã TN, huyện TL làm ăn sinh sống, anh làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Bắc Hà ở xã TN, huyện TL. Tuy nhiên, đến khoảng giữa năm 2016 tình cảm vợ chồng có sự thay đổi từ phía chị H. Nguyên nhân chị H bị bệnh phụ nữ (cụ thể bệnh gì anh không nắm rõ), anh đã đưa chị H đi khám và điều trị nhiều lần tại các cơ sở y tế đến nay đã ổn định. Vì điều kiện công việc nên các lần sau đó chị H tự đi khám kiểm tra lại và điều trị. Anh chị đã không còn quan hệ tình cảm và ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Mặc dù ly thân nhưng anh vẫn sống và làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Bắc Hà, địa chỉ: Đội 4, thôn TB, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H khởi kiện ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần TH V - sinh ngày 13/02/2012, hiện cháu TH V đang sống với anh từ tháng 07 năm 2017 cho đến nay. Nay anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh chị đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nhữ Thị H và anh Trần Đức L. Giao cháu Trần TH V, sinh ngày 13/02/2012 cho chị Nhữ Thị H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu vì vậy không đề cập giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Đức L có đăng ký hộ khẩu tại K 1, thị trấn BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình, tuy nhiên sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng lên sống và làm việc tại xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam và bắt đầu đăng ký tạm trú tại xã TN từ tháng 01/2016 và đến ngày 10/3/2017 được cấp sổ tạm trú tại thôn BL, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam với thời hạn 02 năm (10/3/2017 đến 10/3/2019), bản thân anh L có nơi làm việc ổn định tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Bắc Hà, địa chỉ: Đội 4, thôn TB, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp về việc “ly hôn và nuôi con” giữa chị Nhữ Thị H và anh Trần Đức L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng tại Tòa: Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy

định của pháp luật. Bị đơn sau khi trình bày các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án, đã được giải thích quy định của pháp luật, thừa nhận nội dung đã trình bày nhưng không ký vào văn bản tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhữ Thị H và anh Trần Đức L kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H mắc bệnh phụ nữ phải đi khám và điều trị tại nhiều cơ sở y tế. Cũng từ thời gian chị H mắc bệnh, vợ chồng không còn quan hệ sinh lý, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, anh L nghi ngờ chị H có quan hệ với người khác, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không thông cảm và chia sẻ với nhau, không tìm thấy tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Nay cả chị H và anh L đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc giải quyết ly hôn là giải pháp mà chị H và anh L cùng lựa chọn. Do vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L là phù hợp với thực tế và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Trần TH V, sinh ngày 13/02/2012, hiện cháu V đang ở cùng bố mẹ anh L và anh L. Cả chị H và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu V đến khi cháu đủ 18 tuổi và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H và anh L thì thấy: Chị H và anh L đều có việc làm và đều có thu nhập ổn định, nên đều có khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc cháu V. Tuy nhiên, anh L đi làm ở xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam, sau đó về huyện KS, tỉnh Ninh Bình sinh sống, thời gian làm việc có ngày làm ca ngày, có ngày làm ca đêm, nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V chủ yếu dựa vào bố mẹ đẻ anh L. Chị H sinh sống và làm việc trên địa bàn huyện TL, tỉnh Hà Nam và đã có nhà đất riêng để ổn định cuộc sống, nên điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có nhiều thuận lợi. Mặt khác, chị H đang mắc bệnh phụ nữ (nhiễm vi rút HPV), nên khả năng sinh con nữa sẽ rất khó khăn. Cháu TH V lại là con gái rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và là chỗ dựa về mặt tinh thần giúp chị H vượt qua khó khăn của bệnh tật. Xem xét cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh và khả năng chăm sóc, giáo dục con chung, cần giao cháu TH V cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu TH V đủ 18 tuổi để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu TH V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu, nên anh Trần Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nhữ Thị H.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh L tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự nộp án phí và thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nhữ Thị H và anh Trần Đức L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần TH V, sinh ngày 13/02/2012 cho chị Nhữ Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu TH V đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Anh Trần Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nhữ Thị H và anh Trần Đức L mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), chị H được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí theo **Biên lai thu số 04263 ngày 27/10/2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, chị H được trả lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND TT BM, huyện KS, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên